

Số: 53/KH-DTNT

Ba Chẽ, ngày 01 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thời gian thực hiện chương trình các môn học năm học 2021-2022

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2021-2022;

Căn cứ Công văn số 2030/SGDĐT-GDPT, ngày 23/7/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022;

Căn cứ Công văn số 2197/SGDĐT-GDPT, ngày 24/8/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đối với các trường trung học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh từ năm học 2020-2021;

Căn cứ Công văn số 570/PGD&ĐT, ngày 27/7/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Ba Chẽ về việc hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học cơ sở năm học 2021-2022;

Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Ba Chẽ xây dựng kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học năm học 2021-2022. Cụ thể như sau:

I. Thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2021-2022:

1. Ngày tựu trường: Ngày 03/9/2021
2. Ngày khai giảng: 05/9/2021
3. Bắt đầu Học kỳ I 06/9/2021; kết thúc học kỳ I 08/01/2022.
4. Bắt đầu Học kỳ II 10/01/2022; kết thúc học kỳ II 21/5/2022..
5. Kết thúc năm học: 28/5/2022
6. Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9 THCS các môn văn hóa: Ngày 01/03/2022.
7. Xét công nhận tốt nghiệp THCS xong trước ngày 22/5/2022.
8. Thời gian nghỉ Tết Nguyên Đán:
Từ 31/01/2022-> hết ngày 12/02/2022.
9. Tổng thời gian nghỉ hè của giáo viên là 2 tháng (bao gồm cả thời gian nghỉ được bố trí xen kẽ trong năm học do đặc điểm cụ thể về kế hoạch thời gian năm

học). Các ngày nghỉ lễ khác được thực hiện theo quy định của Luật Lao động. Nếu ngày nghỉ lễ trùng vào ngày nghỉ cuối tuần thì được nghỉ bù vào ngày làm việc kế tiếp.

II. Kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học (Đối với lớp 6 có bảng phân phối cụ thể kèm theo)

TT	Môn	Số tiết thực hiện các môn của các khối lớp				Ghi chú
		6	7	8	9	
1	Toán	140	140	140	140	
2	Ngữ văn	140	140	140	175	
3	Vật lí		35	35	70	
4	Hóa học			70	70	
5	Sinh học		70	70	70	
6	KHTN	140				
7	Lịch Sử		70	52	52	
8	Địa lí		70	52	52	
9	LS-ĐL	105				
10	Tiếng Anh	105	105	105	70	
11	Công nghệ	35	52	52	35	
12	Tin học	35	70	70	70	
13	GDCD	35	35	35	35	
14	Thể dục	70	70	70	70	
15	Mĩ thuật	35	35	35	17 (HKII)	
16	Âm nhạc	35	35	35	18 (HKI)	
18	HĐTN	105				
19	GDĐP	35				

III. Một số điểm lưu ý khi thực hiện kế hoạch thời gian chương trình các môn học năm học 2021-2022:

1. Trong trường hợp thiên tai lũ lụt, thời tiết khắc nghiệt (nhiệt độ dưới 7⁰ C đối với cấp THCS) thì Hiệu trưởng báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo để Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện quyết định cho học sinh nghỉ học đồng thời có phương án bố trí học bù để đảm bảo kế hoạch thời gian năm học.

2. Hiệu trưởng bố trí thời gian cho những ngày nghỉ giữa kỳ, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học và cho các hoạt động ngoài giờ lên lớp theo chủ điểm, hoạt động giáo dục tập thể của các nhà trường, nhằm phát động các đợt thi đua đặc biệt chào mừng các ngày kỷ niệm lớn của đất nước, của tỉnh như: ngày truyền thống công nhân vùng mỏ 12/11, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh 15/5, ngày toàn quốc kháng chiến 19/12, ngày quốc phòng toàn dân 22/12...

Trên đây là thời gian thực hiện chương trình các môn học năm học 2021-2022 của trường Phổ thông Dân tộc Nội trú. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện nghiêm túc kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- BGH (c/đ);
- GV, NV, HS (t/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lương Văn Khang





BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 6- HỌC KÌ I

		06/9-11/9	13/9-18/9	20/9-25/9	27/9-02/10	04/10-09/10	11/10-16/10	18/10-23/10	25/10-30/10	01/11-06/11	08/11-13/11	15/11-20/11	22/11-27/11	29/11-04/12	06/12-11/12	13/12-18/12	20/12-25/12	27/12-01/01	03/01-08/01	Tổng thời lượng/ môn
Môn học	Tuần 1	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
	Tuần 2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
	Tuần 3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
	Tuần 4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Môn học tự nhiên	Lịch sử	1	1	1	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2	1	1	2	1	2	25
	Địa lí	2	2	2	1	1	1	2	1	1	1	2	1	1	2	2	1	1	1	25
	KTĐG									2										4
	Hóa	4	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	19
Môn học xã hội	Lí		1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	14
	Sinh		2	2	2	2	2	2	2	2	1	3	2	2	2	2	2	2	2	32
	KT-ĐG										3							4		7
	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Môn học xã hội	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Môn học xã hội	CC+SHL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
	HD chủ đề			4													4			16
	GDDP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	32	28	28	28	32	28	28	28	32	28	28	28	32	28	28	28	520

Ghi chú: Trải nghiệm, hướng nghiệp: Thực hiện 4 tiết chủ đề





BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 6- HỌC K12																	
10/01-15/01	17/01-22/01	24/01-29/01	07/02-12/02	14/02-19/02	21/02-26/02	28/02-05/3	07/3-12/3	14/3-19/3	21/3-26/3	28/3-02/4	04/4-09/4	11/4-16/4	18/4-23/4	25/4-30/4	02/5-07/5	09/5-14/5	
Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/ môn
4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Lịch sử	1	2	1	2	1	1	1	2	1	2	1	2	1	2	1	1	23
Địa lý	2	1	2	1	1	2	1	1	2	1	2	1	1	1	2	2	24
KT-DG							2						2				4
Hóa	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1						11
Lí	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	4	4	4	4		28
Sinh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2						22
KT-DG						3									4		7
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
CC+SINH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
HD CĐ		4				4			4				4			3	19
GDĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	32	28	28	32	28	28	32	28	28	28	32	28	28	31	495

